

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại Thương

Ngày 30/09/2025	29,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	20.1%	-6.4%

DT thuần Q3/25
346
tỷ VNĐ
QoQ: ▼78.0 -18.3%
YoY: ▼55.0 -13.6%

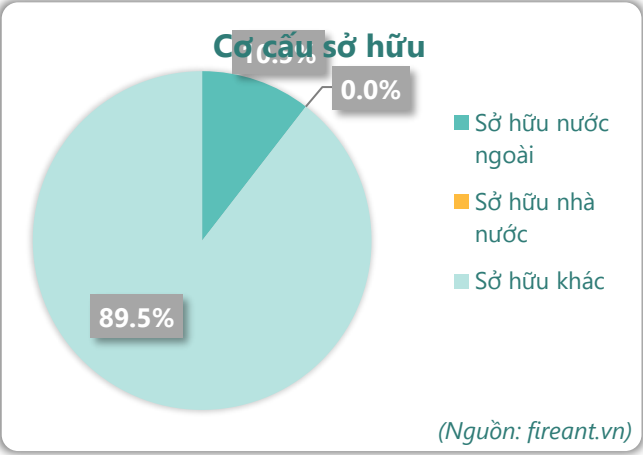
LN thuần Q3/25
9.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.96 76.4%
YoY: ▲ 11.3 532%

LN sau thuế Q3/25
7.91
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.17 111%
YoY: ▲ 10.6 396%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.9%
YoY: +/-▲ 1.6%

ROE (TTM) Q3/25
6.7%
YoY: +/-▲ 4.8%

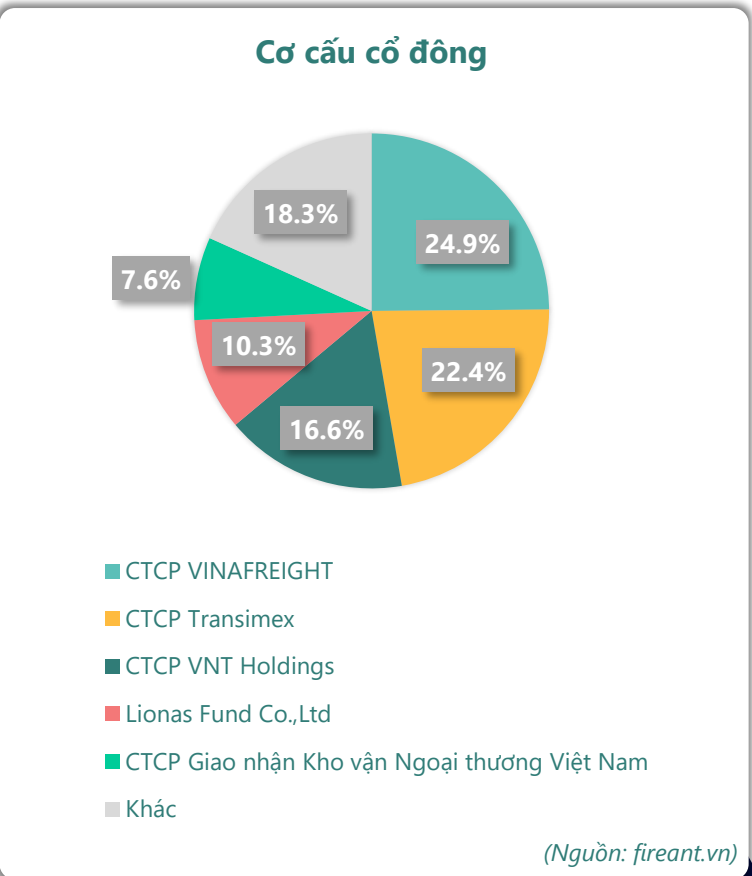
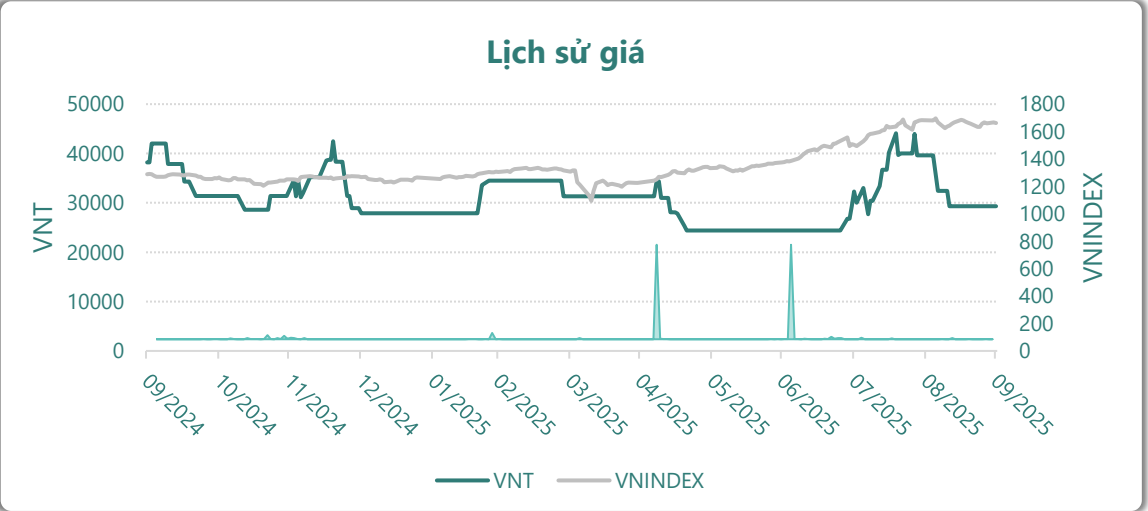
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	24,400 - 44,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	488
Số lượng CPLH (CP)	16,644,097
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
Sở hữu nước ngoài	10.5%
Beta	0.41
EPS	886
P/E	33.1



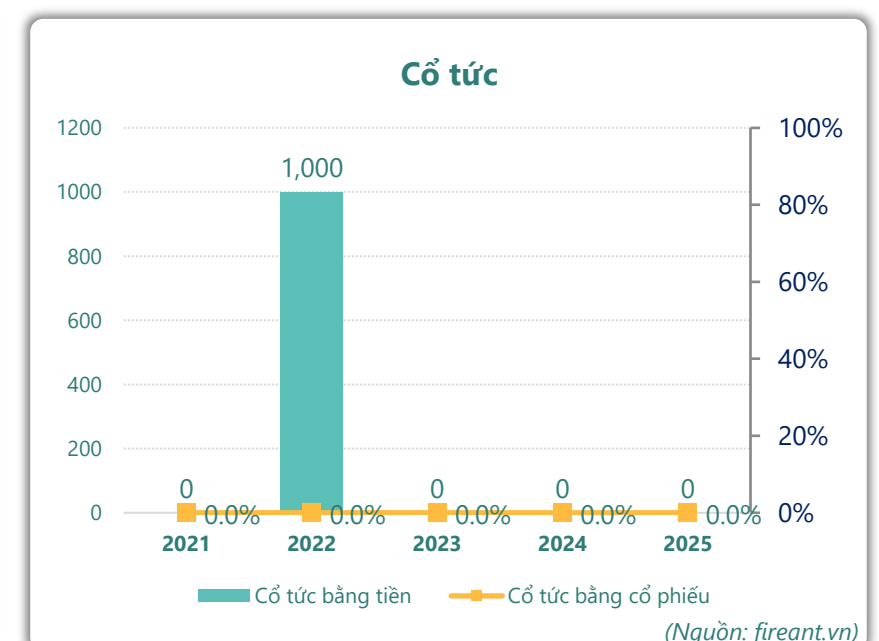
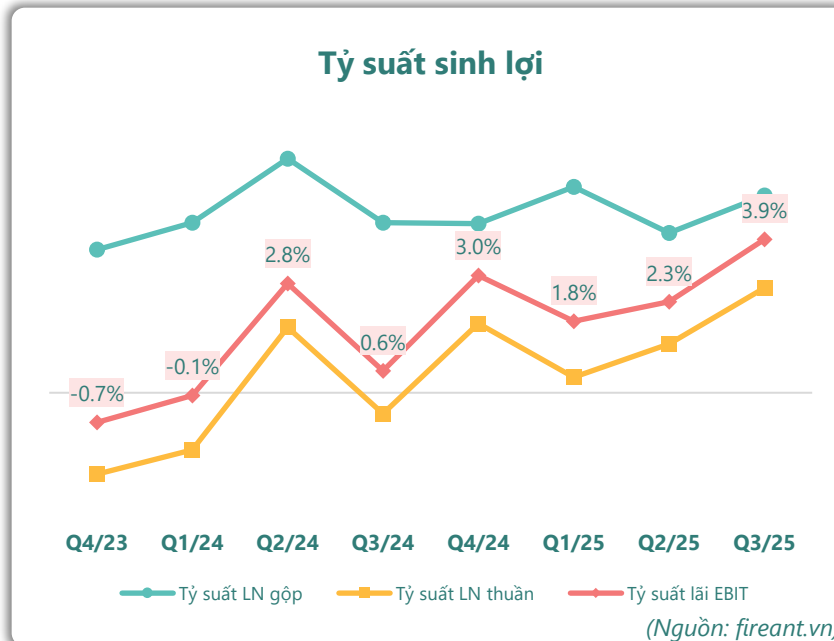
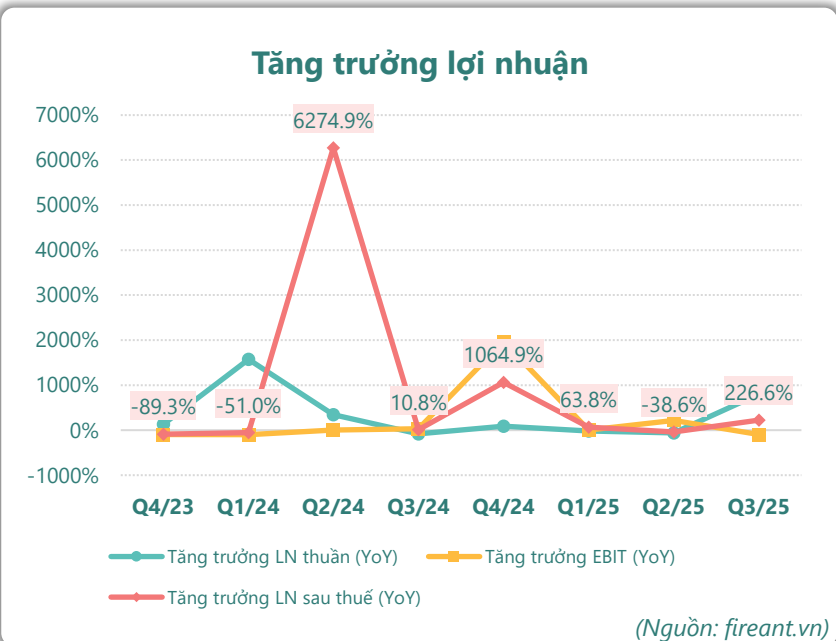
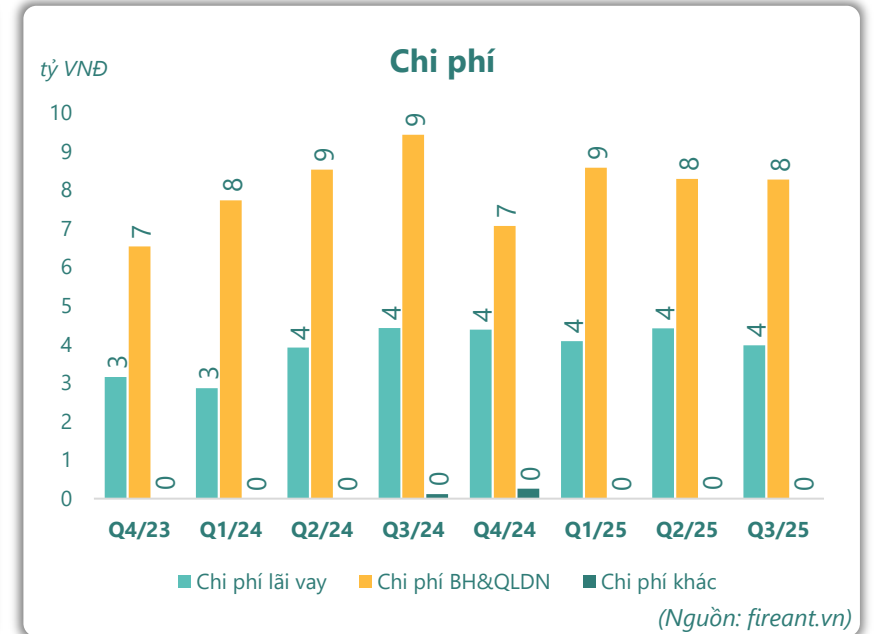
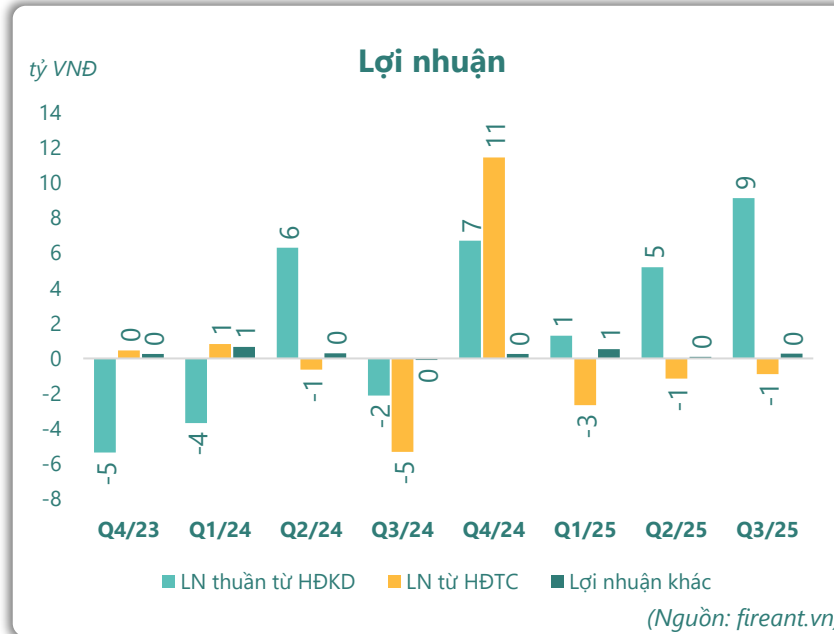
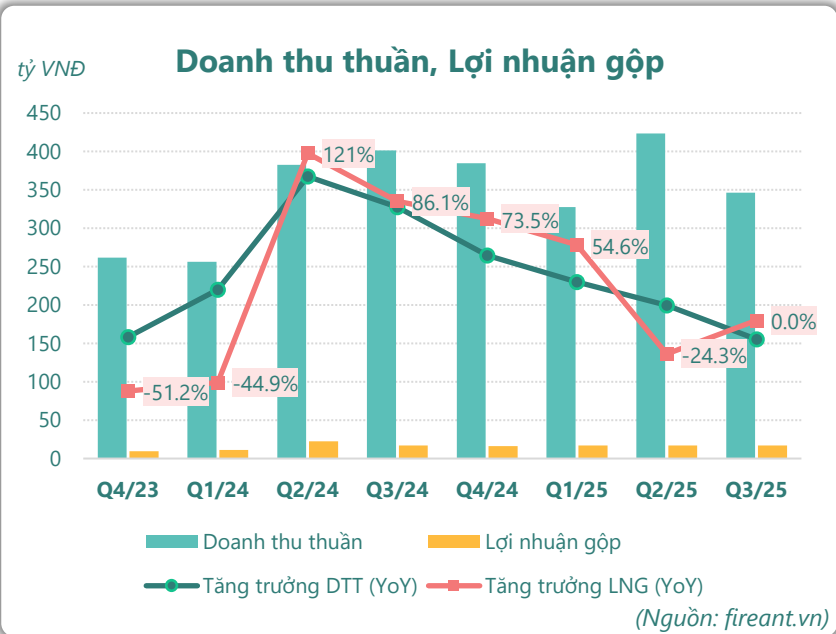
DT thuần 9T 2025
1,098
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 58.0 5.5%

LN thuần 9T 2025
15.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.1 2959%

LN sau thuế 9T 2025
12.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.5 577%



KẾT QUẢ KINH DOANH



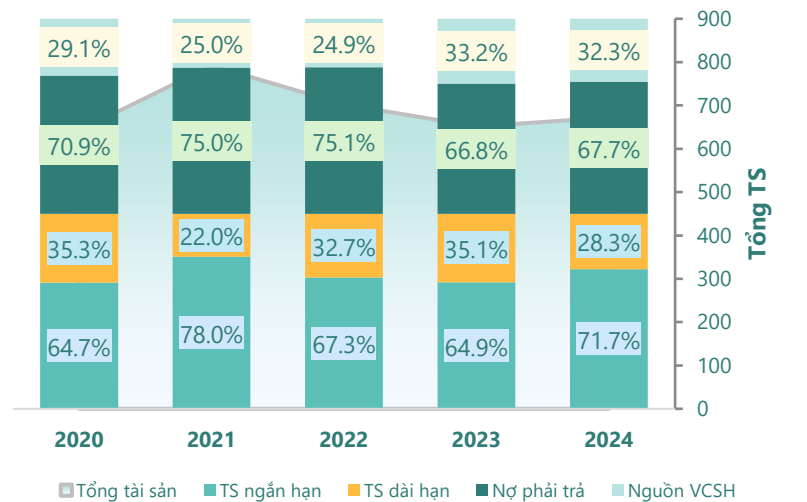


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

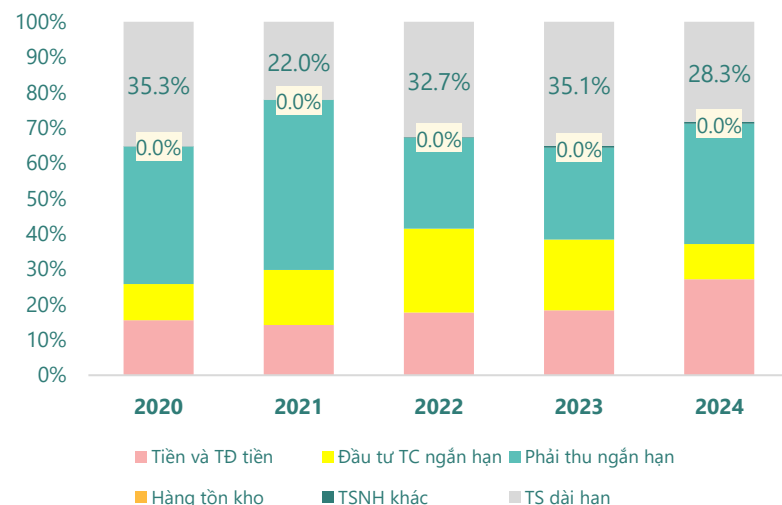
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

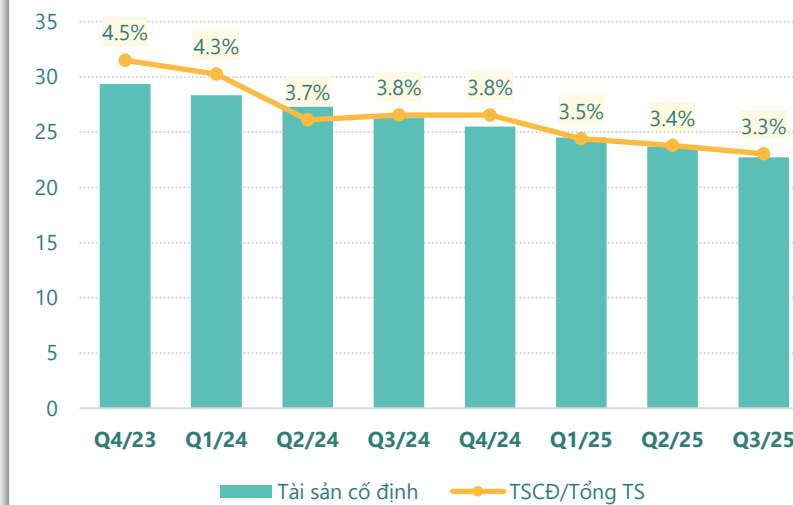
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

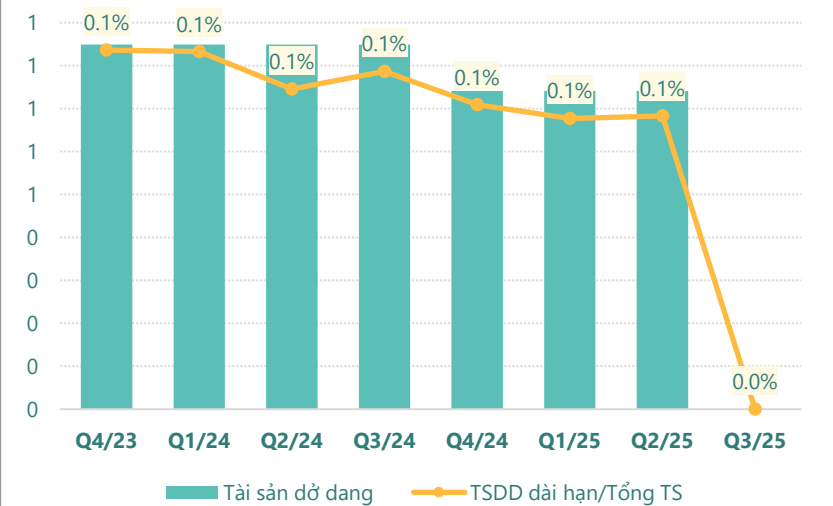
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

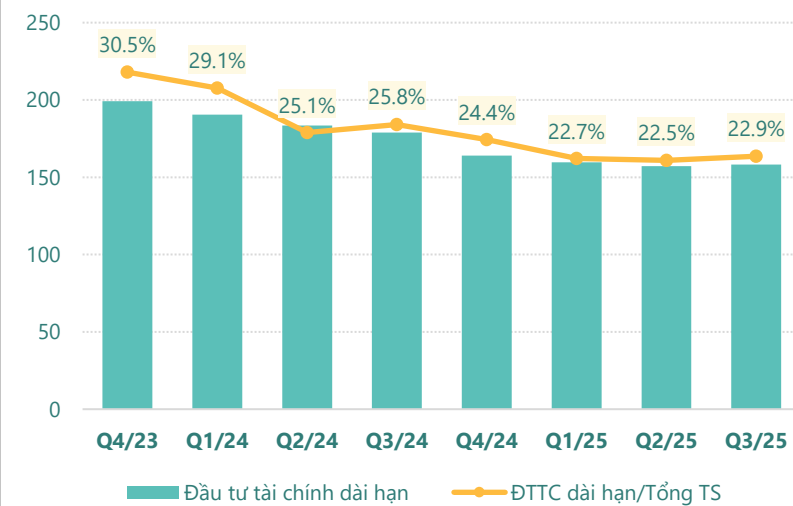
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

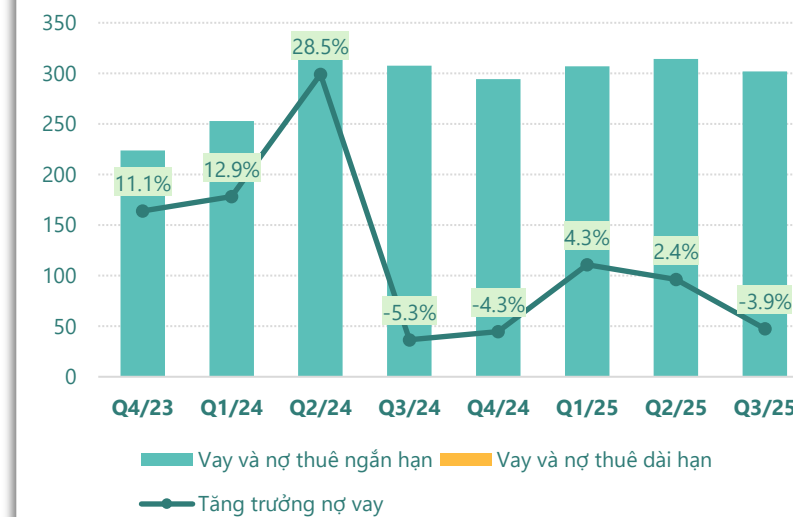
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

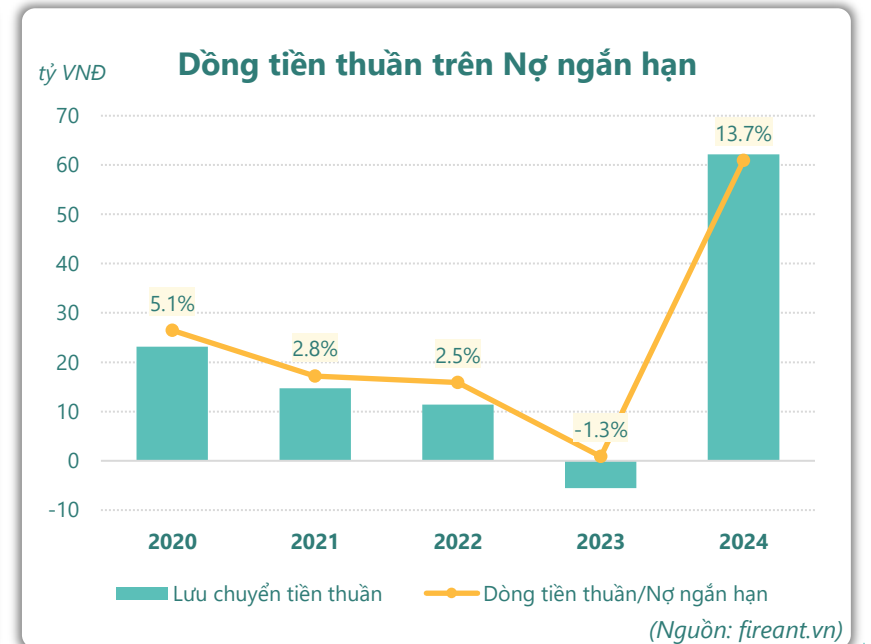
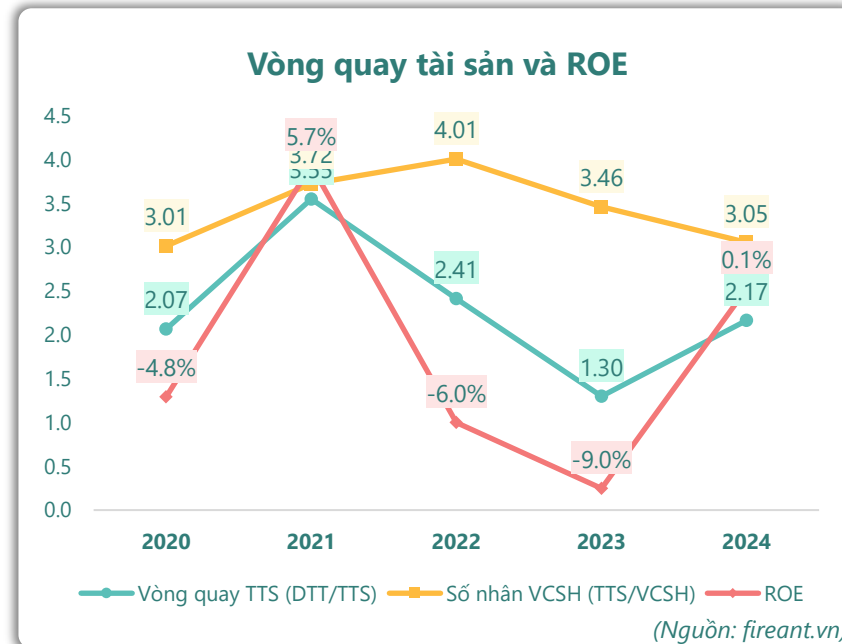
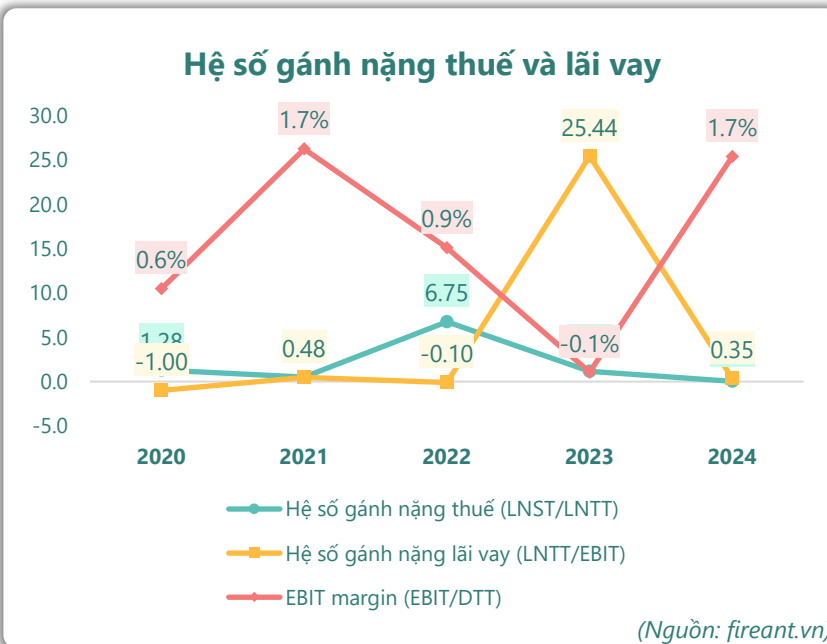
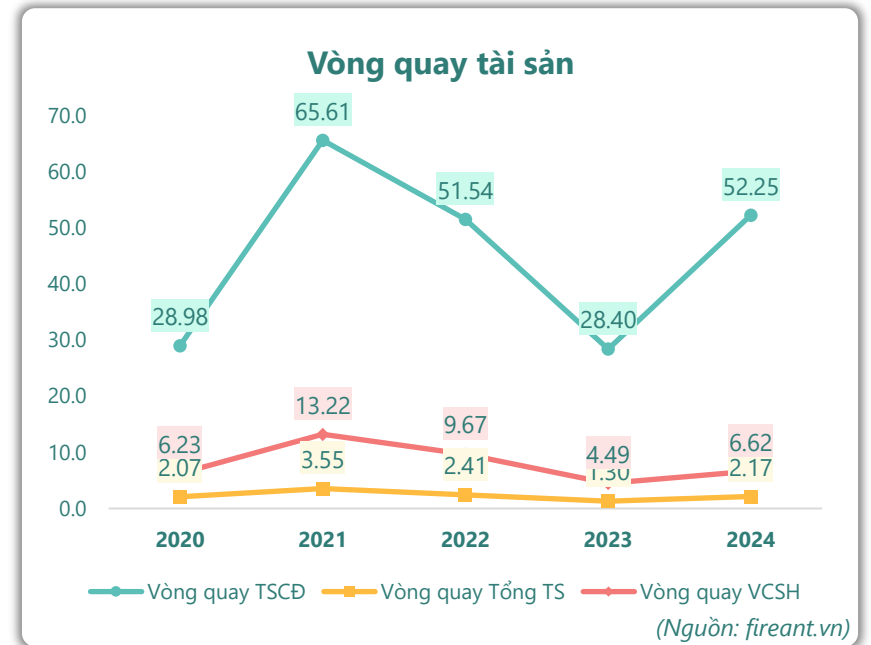
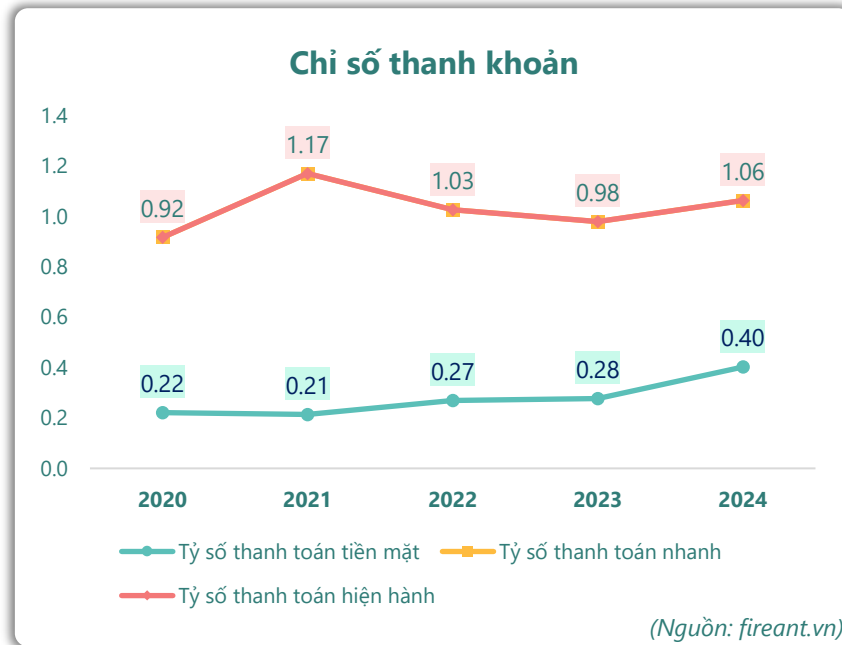
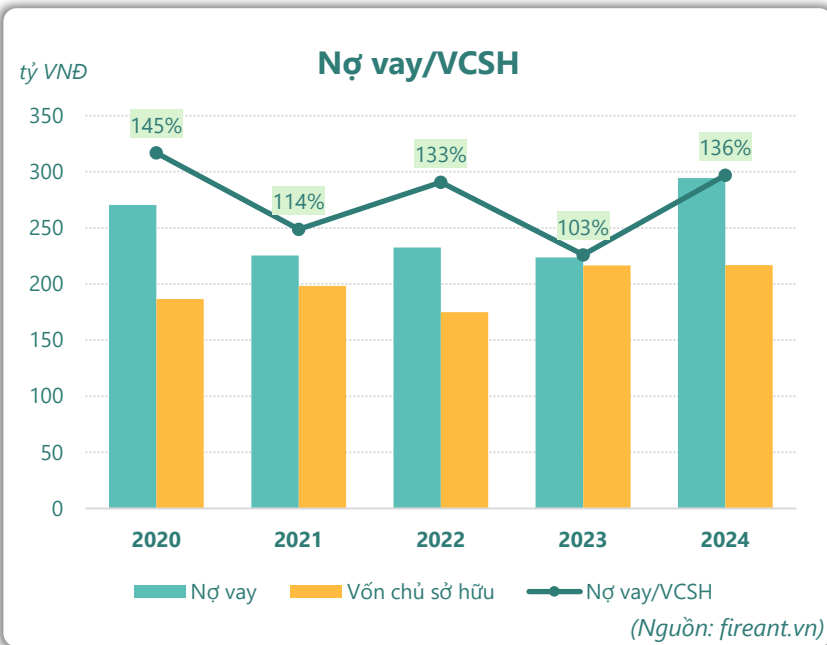
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	346	401	-13.6%	1,098	1,040	5.5%
Giá vốn hàng bán	329	384	-14.3%	1,046	989	5.8%
Lợi nhuận gộp	17.2	17.2	0.1%	51.3	50.8	1.0%
Doanh thu HĐTC	3.54	2.70	31.0%	8.85	10.5	-15.9%
Chi phí TC	4.43	8.02	-44.8%	13.6	15.7	-13.5%
Chi phí lãi vay	3.98	4.43	-10.2%	12.5	11.2	11.3%
LN trong công ty LKLD	1.10	-4.57	124%	-5.83	-19.4	70.0%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	8.28	9.43	-12.2%	25.1	25.7	-2.2%
LN thuần từ HĐKD	9.15	-2.12	532%	15.6	0.51	2959%
Lợi nhuận khác	0.27	-0.09	396%	0.90	0.87	4.0%
LN trước thuế	9.42	-2.20	528%	16.5	1.38	1099%
Lợi nhuận sau thuế	7.91	-2.67	396%	12.0	-2.52	577%
LNST của CĐ cty mẹ	7.91	-2.67	396%	12.0	-2.52	577%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-72.0	13.7	11.2	-28.7	5.87	-29.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	12.0	42.1	37.4	0.10	-6.55	-14.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	71.9	-17.2	-13.1	12.5	7.32	-12.3
Tiền đầu kỳ	96.5	109	145	182	167	175
Lưu chuyển tiền thuần	12.0	38.6	35.5	-16.0	6.65	-55.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.75	-2.96	1.78	0.32	1.65	0.45
Tiền cuối kỳ	109	145	182	167	175	120

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	691	672	2.8%
Tài sản ngắn hạn	508	482	5.5%
Tiền và tương đương tiền	120	182	-34.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	90.5	67.1	34.9%
Phải thu ngắn hạn	297	229	29.8%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.96	3.70	-73.9%
Tài sản dài hạn	183	190	-4.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	22.7	25.5	-10.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.74	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	158	164	-3.6%
Tài sản dài hạn khác	1.86	0.14	1276%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	462	455	1.5%
Nợ ngắn hạn	459	453	1.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	302	294	2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	119	126	-5.3%
Nợ dài hạn	2.88	2.38	21.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	229	217	5.5%
Vốn chủ sở hữu	229	217	5.5%
Vốn điều lệ	167	167	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

